

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày 13 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị Bền, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thu Cúc, 48 tuổi. Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2021, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày: Vào tháng 4/2020, ông X có bao tiêu sản phẩm lúa tại xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu diện tích khoảng 300 công tầm cây. Ông X và ông T có thỏa thuận ông X sẽ là người cung cấp lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông Nguyễn Văn T để ông Nguyễn Văn T giao lại cho các hộ dân ở xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi các hộ dân thu hoạch lúa thì ông T sẽ thu gom và bán lại cho ông X để hưởng tiền hoa hồng. Ông X đã giao cho ông T lúa giống, phân thuốc cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25/5/2020 dương lịch, giao cho 50 bao lúa giống ST 25, mỗi bao 50 kg = 2,5 tấn lúa giống ST25, giao tại nhà ông T, sau đó ông T giao lại cho các hộ dân, ông T được hưởng hoa hồng là 1.000 đồng/kg lúa giống.

Lần 2: Ngày 30/5/2020 dương lịch, giao 30 bao lúa giống ST25 x 50 kg – 1,5 tấn lúa giống ST25.

Lần 3: Ngày 05/6/2020 dương lịch, giao 50 bao x 50 kg/bao và 10 kg – 2.510 kg lúa giống ST25, giao tại nhà ông T. Các lần giao lúa đều không làm biên nhận.

Tổng cộng 03 lần ông X đã giao cho ông T là 5 tấn 510 kg lúa giống ST25. Sau đó ông T giao lại cho các hộ dân ở xã C có danh sách nhận và ký tên. Tổng tiền lúa giống ông X đã giao cho ông T là 5 tấn 510 kg x 22.000 đồng/kg = 121.220.000 đồng. Ngoài ra, ông X đã giao cho ông T 2 tấn 07 kg phân, giá phân là 12.000 đồng/kg = 24.084.000 đồng; 203 lít thuốc Dapmila, 15.000 đồng/lít = 3.045.000 đồng.

Sau khi thu hoạch lúa, ông X đi thu gom mua lúa của các hộ dân khoảng 200 công tầm cây đất trồng lúa của những hộ dân ông X bao tiêu. Tính tiền lúa thành phẩm, trừ tiền phân, thuốc lúa giống còn lại bao nhiêu ông X đã thanh toán cho người dân bán lúa. Còn khoảng 100 công tầm cây lúa bao tiêu thì ông T tự ý thu tiền lúa giống, phân, thuốc của các hộ dân mà không giao lại cho ông X. Ngày 13/10/2020, giữa ông X và ông T có đối chiếu sổ sách thì số tiền lúa giống, phân bón, thuốc ông T còn giữ là 207.500.000 đồng. Sau đó khoảng 1 tuần thì ông T đã trả cho ông X được 179.000.000 đồng, còn nợ lại 28.500.000 đồng.

Ngoài ra, ông T có nhận (180 kg lúa giống x 21.000 đồng) + (8 lít thuốc x 15.000 đồng) + (7 bao phân x 600.000 đồng) = 8.100.000 đồng. Tổng cộng ông T còn nợ ông X số tiền 36.600.000 đồng. Nay ông X yêu cầu ông T, bà Bền có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 36.600.000 đồng, tính lãi từ ngày cộng sổ là ngày 13/10/2020 theo lãi suất nhà nước quy định. Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông T thanh toán số tiền 43.280.000 đồng, nay ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.680.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Khoảng tháng 4, 5 năm 2020, giữa ông và ông Nguyễn Văn X có ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm lúa. Theo đó, ông

Nguyễn Văn X sẽ đầu tư lúa giống là loại lúa giống ST25, phân bón, thuốc cho các hộ dân ở ấp Hà Đức, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ông X sẽ giao lúa giống, phân thuốc cho ông T. Sau đó, ông T sẽ giao lại cho các hộ dân được bao tiêu và hưởng hoa hồng trên số lượng ông X giao. Sau khi thu hoạch lúa của các hộ dân được bao tiêu thì ông X sẽ thu mua lúa của các hộ dân, trừ chi phí đầu tư thì ông X sẽ trả tiền lúa sản phẩm cho các hộ dân. Ông T có trách nhiệm thu gom lúa và hưởng hoa hồng là 50.000 đồng/tấn lúa tươi.

Giống lúa mà ông Nguyễn Văn X giới thiệu và bán cho bà con ở ấp Hà Đức là giống lúa ST25, thời gian sinh trưởng là 95 – 105 ngày với giá là 22.000 đồng. Ông X bán cho hộ dân làm 02 đợt, cách nhau khoảng 1 tuần. Trong thời gian trồng lúa thì người dân nhận thấy giống lúa mình trồng mua từ ông X ở đợt 1 không phải là giống lúa ST25 mà là lúa ST24, giống lúa này thì bán được. Những người dân nhận giống đợt 2 thấy xuất hiện lúa lẫn khoảng 50% (lúa hai tầng) và thời gian lúa chín của hai loại lúa này cách nhau khoảng 15 đến 20 ngày nên khi lúa chín (chín không đồng đều) nên không thể cắt đồng loạt để thời gian lúa bị sập, đổ ngã làm thất thoát từ 40 đến 50%, có những hộ thất thu hoàn toàn. Ông có báo với ông X, ông X có cho người xuống xem và cũng đồng ý là lúa hai tầng. Trước đó, ông X cam kết sẽ thu gom hết lúa của các hộ dân có mua lúa của các hộ dân nhận lúa giống đợt 1 còn đợt 2 thì ông X chỉ mua của một số hộ với giá thấp hơn theo cam kết ban đầu từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng/gia. Số còn lại ông X hẹn nhiều lần nhưng không đến mua, thời gian kéo dài, mưa gió dẫn đến lúa bị ngập úng. Sau đó ông X bỏ hoàn toàn không thu mua, bà con phải tự kiếm máy cắt và tự tìm người thu mua. Những hộ dân nhận lúa đợt 1 thì đã thanh toán đủ, những hộ dân nhận lúa giống đợt 2 do bị thiệt hại nhiều và do ông X không thu mua lúa, không đồng ý thanh toán. Ông T xác định chữ ký trong biên nhận đề ngày 13/10/2020, đúng là chữ ký của ông T nhưng ông không đồng ý thanh toán số tiền 36.600.000 đồng cho ông X.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 430, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn X số tiền 36.600.000 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Bền yêu cầu thanh toán số tiền 6.680.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cúc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Cúc.

[3] Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2020 hai bên thống nhất thỏa thuận ông X là người đầu tư lúa giống phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông T; ông T nhận và giao lại cho nông dân. Sau khi kết thúc vụ mùa ông T đi thu gom lúa và được hưởng hoa hồng từ ông X.

[4] Sau khi kết thúc vụ mùa ông T đã thu gom lúa từ người dân và đòi trừ chi phí đầu tư và tiền hoa hồng ông T nhận từ ông X thì ông T còn nợ ông X tổng số tiền 36.600.000 đồng. Ông T thừa nhận có nợ nhưng cho rằng do ông X giao lúa giống không đúng chủng loại, chất lượng, dẫn đến người dân bị thiệt hại nên người dân còn nợ ông nên ông không đồng ý thanh toán tiền theo yêu cầu của ông X.

[5] Xét kháng cáo của ông T thấy rằng: Ông T xác định có nhận vật tư nông nghiệp (lúa giống, phân, thuốc) từ ông X và chịu trách nhiệm thu gom lúa khi vụ mùa kết thúc, sau khi trừ hết chi phí ông T được hưởng hoa hồng từ ông X. Ông T thừa nhận nợ nhưng nại ra rằng do ông X giao lúa không đúng chủng loại nhưng ông T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, trong khi ông X không thừa nhận. Hơn nữa, ông T là người trực tiếp nhận sản phẩm bao tiêu từ ông X để được nhận hoa hồng, nên ông T phải chịu trách nhiệm thanh toán cho ông X sau khi vụ mùa kết thúc theo như thỏa thuận của các bên. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 430, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Bền về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Bền có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn X số tiền 36.600.000 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Bền yêu cầu thanh toán số tiền 6.680.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Bền phải chịu 1.830.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ông Nguyễn Văn X đã nộp tạm ứng án phí 1.082.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000526 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại đủ.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001225 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đường sự;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều